TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT – TỈNH LÂM ĐỒNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Đặng Thị Thới**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Thu Hương**

Ông **Đặng Văn Miện**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Trần Thanh Tài** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thanh –** Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 525/2024/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2024/QD9ST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Vũ Th. D**, sinh năm: 1991 .

Địa chỉ: Số 965/36/38 đường Q, Phường N, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Bùi U**, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Hẻm 65 Ha, phường M, thành phố Đà Lạt;

Địa chỉ liên hệ: Số 66 Ki, phường Q, thành phố Đà Lạt

(*Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt; ông U vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Vũ Th. D trình bày thì:

Bà và ông Bùi U đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã Điền Môn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Hẻm 65 Ha, phường M, thành phố Đà Lạt. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thể bàn bạc, trao đổi trong mọi vấn đề dẫn đến cuộc sống bế tắc, không hạnh phúc.

Vợ chồng đã sống ly thân 08 năm. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi U.

- *Về con chung*:

Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi H. Ng. K, sinh ngày: 18/01/2014 và Bùi Đ. Kh, sinh ngày: 08/01/2011.

Hiện các con đang sống cùng bà D tại Số 965/36/38 đường Q, Phường N, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Khi ly hôn, bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: bà D xác định, vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn ông Bùi U trình bày:

Ông và bà D kết hôn năm 2010 tại UBND xã Điền Môn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn không xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Ông không muốn ly hôn, đề nghị Tòa án để hai bên gặp mặt.

- *Về con chung:*

Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi H. Ng. K, sinh ngày: 18/01/2014 và Bùi Đ. Kh, sinh ngày: 08/01/2011.

Hiện các con đang sống cùng bà D tại Số 965/36/38 đường Q, Phường N, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp vợ chồng ly hôn, ông đồng ý giao con cho bà D nuôi dưỡng, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung

- *Về nợ chung*: ông U xác định, vợ chồng không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa vợ chồng nhưng không thành

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Vũ Th. D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Bùi U vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Th. D đối với ông Bùi U. Đồng thời, giao con chung là Bùi H. Ng. K, sinh ngày: 18/01/2014 và Bùi Đ. Kh, sinh ngày: 08/01/2011 cho bà Vũ Th. D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, việc cấp dưỡng nuôi con chung do đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự:* Nguyên đơn bà Vũ Th. D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bị đơn ông Bùi U được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Xuất phát từ việc vợ chồng mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống nên bà Vũ Th. D có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Bùi U, sinh năm: 1987. Trú tại: Hẻm 65 Ha, phường M, thành phố Đà Lạt. Do vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn"*, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Th. D thì thấy:

Bà Vũ Th. D và ông Bùi U kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại UBND xã Điền Môn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 26/8/2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương (*BL 07; 25*). Như vậy, hôn nhân của vợ chồng là hợp pháp.

Về mâu thuẫn giữa vợ chồng bà D và ông U trong thời kỳ hôn nhân:

Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà D và ông U tại nơi cư trú. Song do UBND phường 4 chưa từng nhận được đơn yêu cầu hòa giải mâu thuẫn trong hôn nhân giữa vợ chồng bà D và ông U nên chính quyền địa phương không thể cung cấp thông tin (*BL 21*)

Tại bản tự khai ngày 12/9/2024, ông U trình bày: Vợ chồng không có mâu thuẫn nên ông không đồng ý ly hôn. Song đối chiếu với lời khai của bà D trong quá trình giải quyết vụ án (*BL 08; 18; 25*) thể hiện thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thể bàn bạc, trao đổi vấn đề gì dẫn đến cuộc sống chung bế tắc, không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay đã được 08 năm. Hiện tại, bà Út xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông U.

Từ đó cho thấy, mâu thuẫn trong hôn nhân giữa vợ chồng bà D và ông U đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được – ông bà đã sống ly thân được 08 năm nhưng cho đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng không có sự cải thiện nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D với ông U theo quy định tại Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 4 - Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình

[3] Về con chung:

Vợ chồng bà D và ông U có 02 con chung tên Bùi H. Ng. K, sinh ngày: 18/01/2014 và Bùi Đ. Kh, sinh ngày: 08/01/2011. Hiện các con đang sống cùng bà D tại số 965/36/38 Quang Trung, Phường 14, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Khi ly hôn, bà D có nguyện vọng được giao trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi thành niên, còn ông Bùi U cũng đồng ý giao con cho bà D nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 26/7/2024, Bùi H. Ng. K và Bùi Đ. Kh trình bày nguyện vọng là được sống cùng mẹ (*bà Vũ Th. D*) (*BL 19, 20*).

Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các con chung khi ly hôn, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Bùi H. Ng. K và Bùi Đ. Kh cho bà Vũ Th. D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, do các bên không yêu cầu nên không xem xét.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà D và ông U xác định không có nên không đề cập.

[5] Về án phí: bà Vũ Th. D phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 - Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Th. D về việc *"Ly hôn"*.

Bà Vũ Th. D được ly hôn với ông Bùi U.

2- Về con chung:

Giao con chung Bùi H. Ng. K, sinh ngày: 18/01/2014 và Bùi Đ. Kh, sinh ngày: 08/01/2011 cho bà Vũ Th. D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên;

Ông Bùi U không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung .

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp

nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

3- *Về án phí:* Bà Vũ Th. D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000992 ngày 18/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Bà D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm;

Các đương sự có quyền quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP. Đà Lạt;
- UBND xã Điền Môn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu AV-HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đặng Thị Thới